TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 19 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Huệ
Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Quí N (tên gọi khác: không), sinh ngày 26/01/1993, tại thành phố L, tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Trịnh Công T, sinh năm 1947; Con bà Phạm Thị L, sinh năm 1958, hiện đều trú tại tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Vợ Dương Thị T, sinh năm 1997, hiện trú tại tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có một con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm từ giữ ngày 22/6/2019, đến ngày 30/6/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Nguyễn Tiến Đ (tên gọi khác: không), sinh ngày 26/7/1997, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Con bà:

Đỗ Thị M, sinh năm 1976, hiện đều trú tại Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2019, đến ngày 30/6/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Hoàng Văn B (tên gọi khác: không), sinh ngày 15/10/1999, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Hoàng Văn P, sinh năm 1975; Con bà La Thị M, sinh năm 1976, hiện đều trú tại Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/6/2019, đến ngày 30/6/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đoàn Minh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: K1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 7 phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Anh Lù A V, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Anh Chu Đức P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 10 phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

5. Anh Lê Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

6. Anh Hoàng Đức M, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

8. Anh Trần Văn C, sinh năm1980. Địa chỉ: Tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn X, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

10. Anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

12. Anh Tống Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn H, xã Gia P, huyện

B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

13. Anh La Văn Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

14. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

15. Anh Vàng Văn L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

16. Anh Trần Anh D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

17. Anh Lê Tuấn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

18. Anh Lê Trường X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

19. Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 14, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

20. Anh Vùi Văn D, sinh năm 1992. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 18, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

21. Anh Lương Xuân V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 38 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

22. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn T, xã Gia Phú, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

23. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

24. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

25. Anh Lục Văn P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

26. Chị Dương Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 35 phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

27. Anh Bùi Hoàng P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

28. Anh Phạm Đức N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

***Những người làm chứng*:** Anh Lương Văn T, anh Nguyễn Hải N, anh Đặng Văn S, anh Nguyễn Đình H, anh Đào Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 55 phút ngày 21/6/2019, Phòng Cảnh sát hình sự phối hợp với Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lào Cai tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ địa chỉ tổ 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai do Trịnh Quí N làm chủ cửa hàng. Quá trình kiểm tra phát hiện một

số giấy tờ, sổ sách có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Trịnh Quí N khai cùng với Hoàng Văn B và Nguyễn Tiến Đ làm việc tại cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ 268 do N làm chủ, N thuê Đ và B với mức lương 3.000.000 đồng/tháng, nuôi ăn, ở tại cơ sở. N điều hành và trực tiếp quản lý việc cho vay, Đ và B làm theo sự chỉ đạo của N và phải được N đồng ý trước khi cho vay. N, Đ, B thực hiện giao dịch trực tiếp với khách hàng để cho vay và thu tiền gốc, tiền lãi, hoạt động chủ yếu là cho vay lãi nặng theo hình thức cho vay thế chấp và tín chấp, lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đối với một số trường hợp thân quen N tính lãi dưới 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày hoặc không tính lãi. N giao Đ ghi chép sổ sách và lưu thông tin những người vay tiền, số tiền cho vay, tiền lãi đã thu vào máy tính xách tay để theo dõi; Còn B được N giao in các mẫu giấy vay tiền, giấy bán xe, giấy biên nhận tiền đặt cọc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã có công văn số 979 ngày 16/8/2019 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lào Cai về việc phối hợp tính lãi suất cho vay. Tại Công văn số 75 ngày 28/8/2019 của Thanh tra, giám sát ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lào Cai, xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến ngày 21/6/2019, Trịnh Quí N, Hoàng Văn B, Nguyễn Tiến Đ đã cho vay tổng số 25 người/33 giao dịch với tổng số tiền cho vay là 642.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu được là 215.025.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (từ 109,5% đến 182,5%) là 187.594.864 đồng, cụ thể:

1. Ngày 03/3/2018, N cho Hoàng Đức M, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Hoàng Đức M đã trả cho N tổng số tiền lãi là 16.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 14.691.781đồng.

- Ngày 20/3/2018, N cho Hoàng Đức M vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Hoàng Đức M đã trả cho N tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 13.356.164 đồng.

2. Ngày 31/12/2018, N cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 55.000.000 đồng thời hạn vay một tháng, lãi suất là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Nguyễn Văn T đã trả cho N tiền lãi là 8.250.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 7.345.890 đồng.

3. Ngày 01/10/2018, N cho Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, trú tại thôn X, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Nguyễn Ngọc T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 10.684.932 đồng.

- Ngày 09/02/2019, Nguyễn Ngọc T tiếp tục vay của N 10.000.000 đồng

lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Nguyễn Ngọc T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 5.342.466 đồng.

4. Ngày 19/4/2019, N cho Lù A V, sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 30.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), tổng số tiền lãi Lù A V trả cho N là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 4.413.699 đồng.

5. Ngày 26/4/2019, N cho Lê Văn T, sinh năm 1985, trú tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Lê Văn T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 7.356.164 đồng.

6. Ngày 12/6/2018, N cho Nguyễn Thành L, sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1ngày (lãi suất 182,5%/năm), Nguyễn Thành L đã trả cho N tổng số tiền lãi là 10.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 9.349.315 đồng.

7. Ngày 08/6/2018, N cho Tống Văn H, sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Tống Văn H đã trả cho N tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 16.027.397 đồng.

8. Ngày 15/4/2019, N cho La Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), La Văn Đ đã trả cho N tổng số tiền lãi là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 1.335.616 đồng.

9. Ngày 30/7/2018, N cho Đoàn Minh T, sinh năm 1981, trú tại tổ 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Đoàn Minh T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 16.027.397 đồng.

10. Ngày 27/3/2019, N cho Đỗ Quốc V, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Đoàn Quốc V đã trả cho N tổng số tiền lãi là 4.050.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 3.310.274 đồng.

11. Ngày 16/4/2019, N cho Trần Văn C, sinh năm 1980, trú tại tổ 35, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, Trần Văn C đã trả cho N tiền lãi 11 ngày trong tháng 4 là 500.000 đồng (lãi suất 110,6%/năm), trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 409.589 đồng. Trần Văn C trả cho N tiền lãi tháng 5 là 1.350.000 đồng (lãi suất 109,5%/năm), trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm

là 1.103.425 đồng.

- Ngày 27/4/2019, N cho Trần Văn C vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Trần Văn C đã trả cho N tổng số tiền lãi là 1.350.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 1.103.425 đồng.

- Ngày 10/5/2019, N cho Trần Văn C vay 20.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Trần Văn C đã trả cho N tổng số tiền lãi là 1.800.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 1.471.233 đồng.

12. Ngày 12/6/2018, N cho Phạm Thị H, sinh năm 1986, trú tại tổ 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Phạm Thị H đã trả cho N tổng số tiền lãi là 24.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 21.369.863 đồng.

13. Ngày 08/4/2019, N cho Trần Ngọc T, sinh năm 1991, trú tại tổ 7, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Trần Ngọc T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 225.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 183.904 đồng.

- Ngày 29/4/2019, N cho Trần Ngọc T vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Trần Ngọc T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 150.000đ, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 122.603 đồng.

14. Ngày 09/5/2019, N cho Chu Đức P, sinh năm 1991, trú tại tổ 10, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay 40.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Chu Đức P đã trả cho N tổng số tiền lãi là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 5.884.932 đồng.

15. Ngày 24/01/2019 N cho Vàng Văn L, sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Vàng Văn L đã trả cho N tổng số tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 2.671.233 đồng.

16. Tháng 4/2019, N cho Trần Anh D, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Trần Anh D đã trả cho N tổng số tiền lãi là 750.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 667.808 đồng.

17. Ngày 15/6/2019, N cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000

đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Nguyễn Văn H đã trả cho N tổng số tiền lãi là 1.800.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 1.471.233 đồng.

18. Ngày 08/10/2018, N cho Nguyễn Đức L, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Nguyễn Đức L đã trả cho N tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 5.342.466 đồng.

19. Ngày 10/6/2018, N cho Lương Xuân V, sinh năm 1987, trú tại tổ 38, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Lương Xuân V đã trả cho N tổng số tiền lãi là 10.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 9.349.315 đồng.

- Tháng 01/2019, N cho Lương Xuân V vay số tiền 10.000.000 đồng, cộng gộp với khoản vay cũ thành tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Lương Xuân V đã trả cho N tổng số tiền lãi là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 2.942.466 đồng. Do không có tiền trả lãi trước nên đã cộng số tiền 2.000.000 đồng trong số lãi này vào số tiền gốc vay thành 22.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (109,5%/năm), khoản vay này Lương Xuân V đã trả cho N tổng số tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 3.276.712 đồng.

20. Ngày 28/4/2019, N cho Vùi Văn D, sinh năm 1992, trú tại đội 18, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai vay 70.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109%/năm), Vùi Văn V đã trả cho N tổng số tiền lãi là 6.300.000 đồng. trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 5.149.315 đồng.

21. Ngày 25/3/2019, N cho Lê Tuấn T, sinh năm 1992, trú tại tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 146%/năm), Lê Tuấn T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 2.071.233 đồng.

22. Ngày 05/4/2019, N cho Lục Văn P, sinh năm 1992, trú tại thôn 1, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Lục Văn P đã trả cho N tổng số tiền lãi là 750.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 667.808 đồng.

23. Ngày 12/01/2019, N cho Lê Trường X, sinh năm 1992, trú tại Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Lê Trường X đã trả cho N tổng số tiền lãi là 2.250.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 2.003.425 đồng.

- Tháng 5/2019, N cho Lê Trường X vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Lê Trường X đã trả cho N tổng số tiền lãi là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 1.335.616 đồng.

24. Ngày 22/9/2018, N cho Vũ Văn B, sinh năm 1987, trú tại thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 182,5%/năm), Vũ Văn B đã trả cho N tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 5.342.466 đồng.

25. Ngày 22/4/2019, N cho Nguyễn Công T, sinh năm 1984, trú tại tổ 14, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm), Nguyễn Công T đã trả cho N tổng số tiền lãi là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lời bất chính cao hơn 20%/năm là 4.413.699 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 41/GĐTL ngày 26/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ viết, chữ ký xác nhận của Trịnh Quí N) là do Nguyễn Tiến Đ viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (trừ chữ viết, chữ ký xác nhận của Trịnh Quí N) là do Hoàng Văn B viết ra.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P2 ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn B về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phân công thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố, trong đó xác định từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2019 Trịnh Quý N và đồng phạm cho 25 người vay 33 lần với tổng số tiền 612.000.000 đồng, với lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm. Số tiền thu lời bất chính là 187.594.864 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn B phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Trong đó:

Về hình phạt chính:

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Quý N từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều

58; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự đề nghị Cấm các bị cáo Trịnh Quý N, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn B hành nghề liên quan đến tiền tệ từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành án xong.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trịnh Quí N phải hoàn trả lại số tiền thu lời bất chính cho 25 người vay số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, tổng cộng là: 187.594.864 đồng, cụ thể như sau: Trả lại cho anh Hoàng Đức M số tiền 28.047.945 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 7.345.890 đồng; Trả lại cho anh Lù A V số tiền 4.413.699 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 16.027.398 đồng; Trả lại cho anh Lê Văn T số tiền 7.356.164 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Thành L số tiền 9.349.315 đồng; Trả lại cho anh Tống Văn H số tiền 16.027.397 đồng; Trả lại cho anh La Văn Đ số tiền 1.335.616 đồng; Trả lại cho anh Đoàn Minh T số tiền 16.027.397 đồng; Trả lại cho anh Đỗ Quốc V số tiền 3.310.274 đồng; Trả lại cho anh Trần Văn C số tiền 4.087.672 đồng; Trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 21.369.863 đồng; Trả lại cho anh Trần Ngọc T số tiền 306.507 đồng; Trả lại cho anh Chu Đức P số tiền 5.884.932 đồng; Trả lại cho anh Vàng Văn L số tiền 2.671.233 đồng; Trả lại cho anh Trần Anh D số tiền 667.808 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.471.223 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Đức L số tiền 5.342.466 đồng; Trả lại cho anh Lương Xuân V số tiền 15.568.493 đồng; Trả lại cho anh Vùi Văn D số tiền 5.149.315 đồng; Trả lại cho anh Lê Tuấn T số tiền 2.071.233 đồng; Trả lại cho anh Lục Văn P số tiền 667.808 đồng; Trả lại cho anh Lê Trường X số tiền là 3.339.041 đồng; Trả lại cho anh Vũ Văn B số tiền 5.342.466 đồng; Trả lại cho anh Nguyễn Công T số tiền 4.413.699 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106; Khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Trịnh Quí N: 01máy tính xách tay màu trắng nhãn hiệu DELL kèm theo chuột và sạc của máy tính; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max trong có 01 thẻ sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 8800e-1trong có lắp 01 thẻ sim; 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp; 02 camera giám sát nhãn hiệu YOOSEE, mỗi cái đều gắn 01 thẻ nhớ 16Gb; 01xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 89K3 – 6678 kèm 01 đăng ký mô tô xe máy số 019714 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/02/2008.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Nguyễn Tiến Đ: 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone, trong có lắp 01 thẻ sim.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Hoàng Văn B 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Iphone, trong lắp 01 thẻ sim được niêm phong theo quy định.

- Truy thu số tiền 27.430.136 đồng (số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) của Trịnh Quí N để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Trịnh Quí N số tiền cho vay N đã thu về tổng cộng là 464.000.000 đồng để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu của Trịnh Quí N số tiền cho vay là 148.000.000 đồng là số tiền gốc N cho vay, người vay chưa trả để sung Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: Buộc anh Hoàng Đức M phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; Buộc anh Tống Văn H phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng; Buộc anh La Văn Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng; Buộc anh Đỗ Quốc V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000 đồng; Buộc anh Lương Xuân V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 17.000.000 đồng; Buộc anh Vùi Văn D phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 70.000.000 đồng; Buộc anh Lê Tuấn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng; Buộc anh Lê Trường X phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 02 cặp trình ký màu xanh; 01 quyển sổ bìa màu đen có dòng chữ FUTUREL F5-160; 01 quyển sổ có bìa màu đỏ.

- Tịch thu lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01quyển sổ cầm đồ bìa màu xanh gồm 18 trang bên trong ghi tên người cầm đồ; 01 phong bì kèm theo 01 giấy bán xe người bán Nguyễn Hải N; 01 phong bì kèm giấy bán xe, người bán Đặng Văn S; 05 mẫu giấy bán xe in sẵn trên khổ giấy A4; 20 mẫu giấy vay tiền in sẵn trên khổ giấy A4; 09 mẫu giấy biên nhận tiền đặt cọc in sẵn trên khổ giấy A4; 01 giấy xác nhận mở tài khoản mang tên Hoàng Văn B; 01 tờ giấy ghi tài liệu cần giám định ký hiệu A2, nội dung trong giấy ghi tháng 5 tiền lãi chưa thu được và ghi tên những người nợ; 18 phong bì và 18 giấy vay tiền ghi tên người vay, số tiền vay, 01 phong bì ghi tiền quán rửa xe.

- Trả lại cho Trịnh Quí N: 01ví giả da màu đen có chữ Ford, 01 ví nam cầm tay giả da màu đen; 01Chứng minh nhân dân; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank đều mang tên Trịnh Quí N và 600.000 đồng, đối với số tiền 600.000 đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Tiến Đ: 01ví nam cầm tay giả da màu đen, bên trong có 01 thẻ Ngân hàng Agribank; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Tiến Đ.

- Trả lại cho Hoàng Văn B: 01thẻ Ngân hàng Agribank; 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Hoàng Văn B, hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản Ngân hàng đối với Hoàng Văn B.

- Trả lại cho anh Bùi Hoàng P số tiền 900.000 đồng.

- Trả lại cho anh Chu Đức P số tiền 2.900.000 đồng và 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Chu Đức P.

- Trả lại cho anh Lê Văn T 1.500.000 đồng và 01 thẻ Ngân hàng

Vietinbank; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Văn T

- Trả lại cho anh La Văn Đ 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; 01 Chứng minh nhân dân; Trả lại cho anh Vùi Văn D 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; Trả lại cho anh Trần Văn C 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank.

Tiếp tục tạm giữ của Trịnh Quí N 56.565.000 đồng hiện được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị tuyên lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bảo Thắng: Thu hồi 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 12.G8.005869, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2019 mang tên Bùi Hoàng P, tại địa điểm kinh doanh tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai và 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 12.G8.005605, đăng ký lần đầu ngày 26/7/2018 mang tên Trịnh Quí N, tại địa điểm kinh doanh tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện Bảo Thắng thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 111/GCN cấp ngày 30/7/2018 cho Trịnh Quí N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn B đã khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2019 các bị cáo đã cho 25 người vay 33 lần,với số tiền cho vay là 612.000.000 đồng, với lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định tối đa 20%/năm thì các bị cáo cho vay theo lãi suất cao gấp trên 5 lần, đã thu được tổng số tiền lãi là 215.025.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính vượt quá 20%/năm là 187.594.864 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về hình phạt: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật, các bị cáo biết rõ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn kiếm lời bất chính nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với Trịnh Quí N là người bỏ tiền ra mở cửa hàng và đăng ký kinh doanh tên ngành nghề kinh doanh là hoạt động cấp tín dụng khác (cầm đồ), tuy nhiên N đã không thực hiện theo đúng quy định của giấy phép đăng ký kinh doanh mà lại cho vay lãi suất cao để kiếm lời, chỉ đạo hoạt động cho vay lãi nặng, vì vậy Trịnh Quí N phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án.

Đối với Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B là những người được N thuê để tham gia vào hoạt động cho vay, thu tiền lãi của cửa hàng, Bộ và Đạt đã tham gia tích cực với vai trò là người thực hành, vì vậy các bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B phải chịu trách nhiệm đồng phạm sau bị cáo N.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải xét xử nghiêm minh trước pháp luật nhằm dăn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B đều có nhân thân tốt.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Quý N, Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải vì vậy cũng cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Trịnh Quí N, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là Cấm hành nghề liên quan đến tiền tệ trong một khoảng thời gian nhất định.

Đối với Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn B chỉ là người làm thuê cho Trịnh Quý N nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Liên quan trong vụ án này còn có anh Bùi Hoàng P là người đứng tên để làm giúp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho N, quá trình điều tra xác định anh Bùi Hoàng P không biết và không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của N, nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là đúng quy định.

Đối với chị Phạm Lệ Q, là người cho N thuê nhà để mở cửa hàng, tuy nhiên khi cho thuê chị Phạm Lệ Q không biết và không tham gia vào hoạt động cho vay

lãi nặng của N, nên cơ quan điều tra và viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là phù hợp.

Đối với một số giao dịch cho vay khác của N, Cơ quan điều tra không xác định được tên, địa chỉ và những người vay không có mặt tại địa phương nên không triệu tập làm việc được, vì vậy không đủ căn cứ để xử lý trước trong vụ án này.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo Trịnh Quý N là chủ cửa hàng cầm đồ cùng Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B đã cho 25 người vay với số tiền cho vay là 612.000.000 đồng, với lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định tối đa 20%/năm thì các bị cáo cho vay theo lãi suất cao gấp trên 5 lần, đã thu được tổng số tiền lãi là 215.025.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính vượt quá 20%/năm là 187.594.864 đồng. Đối với số tiền lãi suất thu vượt quá 20%/năm là 187.594.864 đồng thì cần phải tuyên buộc bị cáo Trịnh Quí N hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ

Thu giữ của Trịnh Quí N: 01 máy tính xách tay màu trắng nhãn hiệu DELL kèm theo chuột và sạc của máy tính; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng trong có 01 thẻ sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 8800e-1 đã qua sử dụng trong có lắp 01 thẻ sim; 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, đã qua sử dụng; 02 camera giám sát nhãn hiệu YOOSEE, mỗi cái đều gắn 01 thẻ nhớ 16Gb; Thu giữ của Nguyễn Tiến Đ: 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng trong có lắp 01 thẻ sim; Thu giữ của Hoàng Văn B 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, trong lắp 01 thẻ sim. Xét thấy đây là công cụ phương tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Cơ quan điều tra còn thu giữ một xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 89K3- 6678 kèm 01 đăng ký mô tô xe máy số 019714 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/02/2008 mang tên Vũ Đức Độ. Tại phiên tòa bị cáo và chị Dương Thị T (vợ bị cáo N) xác định đây là tài sản riêng của bị cáo N không liên quan đến chị Dương Thị T. Xét thấy bị cáo đã dùng xe mô tô này làm công cụ phương tiện đi giao dịch cho vay lãi nặng do đó cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ tổng số tiền là 62.465.000 đồng của Trịnh Quí N đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai ngày 28/8/2019. Xét thấy trong số tiền này có 2.900.000 đồng là số tiền các bị cáo rút thừa từ thẻ Ngân hàng Vietinbank của anh Chu Đức P và 1.500.000 đồng là số tiền các bị cáo rút thừa từ thẻ Ngân hàng Vietinbank của anh Lê Văn T do đó cần tuyên trả lại cho anh Chu Đức P 2.900.000 đồng và anh Lê Văn T 1.500.000 đồng; Đối với số tiền đựng trong phong bì ghi tiền quán rửa xe bị cáo N và Bùi Hoàng P xác định có 1.500.000 đồng là tiền của quán rửa xe do N và Bùi Hoàng P làm chung không liên quan trong vụ án này. Tại phiên tòa bị cáo N và Bùi Hoàng P xác định để thu được 1.500.000 đồng tiền rửa xe thì Bùi Hoàng

P phải chi phí 300.000 đồng tiền điện, nước, xà phòng, khăn lau, còn lại là 1.200.000 đồng thì bị cáo N và Bùi Hoàng P mỗi người được hưởng 1/2. Xét thấy số tiền này không liên quan đến vụ án nên cần tuyên trả cho Bùi Hoàng P 900.000 đồng (300.000 đồng tiền điện, nước, xà phòng, khăn lau, và 600.000 đồng Bùi Hoàng P được chia), trả cho Trịnh Quí N 600.000 đồng, song cần tuyên tiếp tục tạm giữ của Trịnh Quí N để đảm bảo thi hành án. Số tiền còn lại là 56.565.000 đồng trong đó tiền thu lãi suất cao bị cáo không nhớ thu của ai là 16.565.000 và 40.000.000 đồng Trịnh Quý N tự nguyện nộp vào để khắc phục hậu quả. Đối với số tiền này cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối số tiền gốc 612.000.000 đồng Trịnh Quí N cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay, những người vay đã trả cho N số tiền gốc tổng cộng là 464.000.000 đồng, cụ thể: Anh Nguyễn Ngọc T trả 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T trả 55.000.000 đồng, anh Lù A V trả 30.000.000 đồng, anh Lê Văn T trả 50.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành L trả 10.000.000 đồng, anh Đoàn Minh T trả 20.000.000 đồng, anh Tống Văn H trả 10.000.000 đồng, anh La Văn Đ trả 1.000.000 đồng, anh Đỗ Quốc V trả 8.000.000 đồng, anh Trần Văn C trả 50.000.000 đồng, chị Phạm Thị H trả 20.000.000 đồng, anh Trần Ngọc T trả 10.000.000 đồng, anh Chu Đức P trả 40.000.000 đồng, anh Vàng Văn L trả 20.000.000 đồng, anh Trần Anh D trả 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H trả 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Đức L trả 10.000.000 đồng, anh Lương Xuân V trả 5.000.000 đồng, anh Lục Văn P trả 5.000.000 đồng, anh Lê Trường X trả 5.000.000 đồng, anh Vũ Văn B trả 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Công T trả 60.000.000 đồng. Xét thấy đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tuyên truy thu của Trịnh Quí N để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc Trịnh Quí N cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay nợ chưa trả tổng cộng là 148.000.000 đồng, cần tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước và buộc những người vay chưa trả phải nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể buộc anh Hoàng Đức M phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; buộc anh Tống Văn H phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng; buộc anh La Văn Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng; buộc anh Đỗ Quốc V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000 đồng; buộc anh Lương Xuân V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 17.000.000 đồng; buộc anh Vùi Văn D phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 70.000.000 đồng; buộc anh Lê Tuấn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng; buộc anh Lê Trường X phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 27.430.136 đồng Trịnh Quí N thu lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm số tiền này không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó cũng cần tuyên truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 cặp trình ký màu xanh; 01 quyển sổ bìa màu đen có dòng chữ FUTUREL F5-160, bên trong có 06 trang ghi con số và chữ viết; 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, bên trong có 01 trang ghi con số và chữ viết. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01quyển sổ cầm đồ bìa màu xanh gồm 18 trang bên trong ghi tên người cầm đồ; 01 phong bì kèm theo 01 giấy bán xe người bán Nguyễn Hải N; 01 phong bì kèm giấy bán xe, người bán Đặng Văn S; 05 mẫu giấy bán xe in sẵn trên khổ giấy A4; 20 mẫu giấy vay tiền in sẵn trên khổ giấy A4; 09 mẫu giấy biên nhận tiền đặt cọc in sẵn trên khổ giấy A4; 01 giấy xác nhận mở tài khoản mang tên Hoàng Văn B; 01 tờ giấy ghi tài liệu cần giám định ký hiệu A2, nội dung trong giấy ghi tháng 5 tiền lãi chưa thu được và ghi tên những người nợ; 18 phong bì và 18 giấy vay tiền ghi tên người vay số tiền vay, 01 phong bì ghi tiền quán rửa xe, tất cả đều có chữ ký xác nhận của Trịnh Quí N được đánh số bút lục từ 101 đến 185. Đây là vật chứng của vụ án đã được cơ quan điều tra đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án nên cần tuyên tịch thu và tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Cơ quan điều tra còn thu giữ của Trịnh Quý N: 01ví giả da màu đen có chữ Ford, 01 Chứng minh nhân dân; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank đều mang tên Trịnh Quí N; Thu giữ của Nguyễn Tiến Đ: 01 ví nam cầm tay giả da màu đen, bên trong có: 01 thẻ Ngân hàng Agribank; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Tiến Đ; Thu giữ của Hoàng Văn B: 01thẻ Ngân hàng Agribank; 01thẻ Ngân hàng Viettinbank; 01chứng minh nhân dân đều mang tên Hoàng Văn B. Thu giữ 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank mang tên Vùi Văn D; Thu giữ 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank mang tên Trần Văn C; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Chu Đức P; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank, 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Văn T; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank, 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên La Văn Đ. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ nên tuyên trả cho bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đối với số tiền 3.092.100 đồng (ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng) của Hoàng Văn B trong tài khoản số 100869508949 tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh tỉnh Lào Cai, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần tuyên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 30/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai.

- Đối với 01 ví nam cầm tay giả da màu đen bên trong có 01 đăng ký mô tô xe máy số 019275 do Công an quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/6/2010 mang tên Bùi Hữu K, đây là giấy tờ của xe mô tô biển kiểm soát 30 K8– 6542 là công cụ phạm tội tuy nhiên các bị cáo N đã cho bạn là anh Tuấn A mượn xe (bị cáo không biết họ và địa chỉ cụ thể của anh Tuấn A ở đâu) và hiện không xác định được địa chỉ, nơi ở của anh Tuấn A nên cơ quan điều tra không thu giữ được xe, vì vậy đối với bộ giấy tờ này cần tuyên tách ra và tiếp tục tạm giữ khi nào thu hồi được xe xử lý sau. Đối với ví nam cầm tay giả da màu đen cần tuyên trả cho Trịnh Quí N.

- Đối với phiếu thông tin HOMECREDIT; 01 Giấy biên nhận của công ty tài chính TNHH một thành viên HOMECREDIT đều cấp cho Phạm Đức N ngày 16/02/2019. Xét thấy đây là tài sản của anh Phạm Đức N nên cần tuyển trả lại cho anh Phạm Đức N.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đỏ cam , biển số 29H-170.72 kèm theo 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 534723 mang tên chủ xe Trịnh Quí N, biển số 29H-170.72; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 7903614 của xe ô tô biển số 29H-170.72; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện 0002635 của chủ xe Trịnh Quý N; 01 giấy phép lái xe số 120193002224 do sở vận tải Lai Châu cấp ngày 08/6/2019. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trịnh Quí N và vợ là Dương Thị T, không liên quan đến vụ án, nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu, xét thấy có căn cứ đúng pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, biển số 25U1-0423, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Đào Văn H không liên quan đến vụ án, nên cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đào Văn H, xét thấy là đúng pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda -Wave biển số 24V1-148.66; 01 đăng ký mô tô xe máy số 007412 do Công an huyện V, tỉnh Lào Cai cấp ngày 14/12/2017, biển số đăng ký 24V1-148.66; 01 Chứng minh nhân dân số 063433498 mang tên Đặng Văn S do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 21/4/2017. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Đặng Văn S, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu, xét thấy là đúng pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - Airblade biển số 24T1 - 1663; 01 đăng ký mô tô xe máy số 00435 do Công an huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 20/8/2010. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Nguyễn Hải N, xét thấy là phù hợp.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank số 9704155219859917 mang tên Lù A V; 01 Chứng minh nhân dân số 063258110 mang tên Đỗ Quốc V do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 21/9/2016; 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank số 9704151522092874 mang tên Nguyễn Văn H, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 19/10/2009, 01 sổ Bảo hiểm xã hội số 1016000388 mang tên Nguyễn Văn H; 01 Chứng minh nhân dân số 063531913 mang tên Nguyễn Công T do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 08/6/2016; 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank số 9704151522267369 mang tên Nguyễn Đình H, 01 Chứng minh nhân dân số 063258079 mang tên Nguyễn Đình H do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/11/2007. Đây là tài sản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thế chấp để vay tiền, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho các chủ sở hữu, xét thấy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Kiến nghị Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai: Thu hồi 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 12.G8.005869, đăng

ký lần đầu ngày 30/5/2019 mang tên Bùi Hoàng P, tại địa điểm kinh doanh tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai và thu hồi 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 12.G8.005605, đăng ký lần đầu ngày 26/7/2018 mang tên Trịnh Quí N, tại địa điểm kinh doanh tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Kiến nghị Công an huyện B, tỉnh Lào Cai thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 111/GCN cấp ngày 30/7/2018 cho Trịnh Quí N.

[11]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật áp dụng đối với các bị cáo là đúng, tuy nhiên mức đề nghị hình phạt chính đối với bị cáo Trịnh Quý N là nặng, bởi lẽ số tiền bị cáo thu lời vượt trên 20%/năm là 187.594.864 đồng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Đối với đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B, xét thấy Đ và B chỉ là người đi làm thuê cho N, do đó không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với Đ và B. Còn các nội dung khác mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định pháp luật, nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa các bị cáo không đề nghị gì; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Hoàng P xin được nhận lại số tiền mà anh làm chung quán rửa xe với bị cáo N, xét thấy yêu cầu của anh Bùi Hoàng P là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[12]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Quí N, Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Quí N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày tạm giữ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Cấm bị cáo Trịnh Quí N hành nghề liên quan đến lĩnh vực tiền tệ trong thời gian 01 (một) năm sau khi chấp hành án xong án phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trịnh Quí N phải hoàn trả lại số tiền thu lời bất chính cho 25 người vay số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, tổng cộng là: 187.594.864 đồng (một trăm tám mươi bẩy triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng) cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Hoàng Đức M số tiền 28.047.945 đồng (hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bẩy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng);

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 7.345.890 đồng (bẩy triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng);

- Trả lại cho anh Lù A V số tiền 4.413.699 đồng (bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng;

- Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 16.027.398 đồng (mười sáu triệu, không trăm hai mươi bẩy nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng);

- Trả lại cho anh Lê Văn T số tiền 7.356.164 đồng (bẩy triêu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi tư đồng);

- Trả lại cho anh Nguyễn Thành L số tiền 9.349.315 đồng (chín triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng);

- Trả lại cho anh Tống Văn H số tiền 16.027.397 đồng (mười sáu triệu, không trăm hai mươi bẩy nghìn, ba trăm chín mươi bẩy đồng);

- Trả lại cho anh La Văn Đ số tiền 1.335.616 đồng (một triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng);

- Trả lại cho anh Đoàn Minh T số tiền 16.027.397 đồng (mười sáu triệu, không trăm hai mươi bẩy nghìn, ba trăm chín mươi bẩy đồng);

- Trả lại cho anh Đỗ Quốc V số tiền 3.310.274 đồng (ba triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm bẩy mươi tư đồng);

- Trả lại cho anh Trần Văn C số tiền 4.087.672 đồng (bốn triệu, không trăm tám mươi bẩy nghìn, sáu trăm bẩy mươi hai đồng);

- Trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 21.369.863 đồng (hai mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng);

- Trả lại cho anh Trần Ngọc T số tiền 306.507 đồng (ba trăm linh sáu nghìn, năm trăm linh bẩy đồng);

- Trả lại cho anh Chu Đức P số tiền 5.884.932 đồng (năm triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng);

- Trả lại cho anh Vàng Văn L số tiền 2.671.233 đồng (hai triệu, sáu trăm bẩy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng);

- Trả lại cho anh Trần Anh D số tiền 667.808 đồng (sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn, tám trăm linh tám đồng);

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.471.223 đồng (một triệu, bốn trăm bẩy mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng);

- Trả lại cho anh Nguyễn Đức L số tiền 5.342.466 đồng (năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng);

- Trả lại cho anh Lương Xuân V số tiền 15.568.493 đồng (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng);

- Trả lại cho anh Vùi Văn D số tiền 5.149.315 đồng (năm triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng);

- Trả lại cho anh Lê Tuấn T số tiền 2.071.233 đồng (hai triệu, không trăm bẩy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng);

- Trả lại cho anh Lục Văn P số tiền 667.808 đồng (sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn, tám trăm linh tám đồng);

- Trả lại cho anh Lê Trường X số tiền là 3.339.041 đồng (ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng);

- Trả lại cho anh Vũ Văn B số tiền 5.342.466 đồng (năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng);

- Trả lại cho anh Nguyễn Công T số tiền 4.413.699 đồng (bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106; Điểm d Khoản 1 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Trịnh Quí N: 01máy tính xách tay (Laptop) màu trắng nhãn hiệu DELL có mã số 4CZHF22, MADE IN CHINA 13895893442 được niêm phong theo quy định, kèm theo chuột và sạc của máy tính (không niêm phong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max số seri FFMXJ454KPHF trong có 01 thẻ sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 8800e-1trong có lắp 01 thẻ sim được niêm phong theo quy định; 02 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, đã qua sử dụng; 01 camera giám sát nhãn hiệu YOOSEE, số ID 14306650 có gắn 01 thẻ nhớ 16Gb nhãn hiệu NEO MICRO SDHC; 01 camera giám sát nhãn hiệu YOOSEE, số ID 14293963 có gắn 01 thẻ nhớ 16Gb nhãn hiệu NEO MICRO SDHC; 01xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 89K3 – 6678 kèm 01 đăng ký mô tô xe máy số

019714 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/02/2008.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Nguyễn Tiến Đ: 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone, số IMEI 359237061661778 trong có lắp 01 thẻ sim được niêm phong theo quy định.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Hoàng Văn B 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Iphone, số IMEI 355352081354843, trong lắp 01 thẻ sim được niêm phong theo quy định.

- Truy thu số tiền 27.430.136 đồng (số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) của Trịnh Quí N để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Trịnh Quí N số tiền cho vay (công cụ phương tiện phạm tội) N đã thu về tổng cộng là 464.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi tư triệu đồng) để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu của Trịnh Quí N số tiền 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng) là khoản tiền gốc N cho vay (công cụ phương tiện phạm tội) nhưng những người vay chưa trả để sung Ngân sách Nhà nước và buộc người vay phải nộp vào Ngân sách Nhà Nước, cụ thể như sau:

+. Buộc anh Hoàng Đức M phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

+. Buộc anh Tống Văn H phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

+. Buộc anh La Văn Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

+. Buộc anh Đỗ Quốc V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng);

+. Buộc anh Lương Xuân V phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 17.000.000 đồng (mười bẩy triệu đồng);

+. Buộc anh Vùi Văn D phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 70.000.000 đồng (bẩy mươi triệu đồng);

+. Buộc anh Lê Tuấn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

+. Buộc anh Lê Trường X phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy Đối với 02 cặp trình ký màu xanh; 01 quyển sổ bìa màu đen có dòng chữ FUTUREL F5-160, bên trong có 06 trang ghi con số và chữ viết; 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, bên trong có 01 trang ghi con số và chữ viết.

- Tịch thu và tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01quyển sổ cầm đồ bìa màu xanh gồm 18 trang bên trong ghi tên người cầm đồ; 01 phong bì kèm theo 01 giấy bán xe người bán Nguyễn Hải N; 01 phong bì kèm giấy bán xe, người bán Đặng Văn S; 05 mẫu giấy bán xe in sẵn trên khổ giấy A4; 20 mẫu giấy vay tiền in sẵn trên khổ giấy A4; 09 mẫu giấy biên nhận tiền đặt cọc in sẵn trên khổ

giấy A4; 01 giấy xác nhận mở tài khoản mang tên Hoàng Văn B; 01 tờ giấy ghi tài liệu cần giám định ký hiệu A2, nội dung trong giấy ghi tháng 5 tiền lãi chưa thu được và ghi tên những người nợ; 18 phong bì và 18 giấy vay tiền ghi tên người vay, số tiền vay, 01 phong bì ghi tiền quán rửa xe, tất cả đều có chữ ký xác nhận của Trịnh Quí N được đánh số bút lục từ 101 đến 185. - Trả lại cho Trịnh Quí N: 01 ví nam cầm tay giả da màu đen; 01ví nam giả da màu đen có chữ Ford bên trong có: 01 Chứng minh nhân dân số 063376704; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 4221498679657305 đều mang tên Trịnh Quí N; Trả lại cho Trịnh Quí N 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) hiện được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Tiến Đ: 01ví nam cầm tay giả da màu đen, bên trong có 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050791570810; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 9704151533286689; 01 Chứng minh nhân dân số 063432246 đều mang tên Nguyễn Tiến Đ.

- Trả lại cho Hoàng Văn B: 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050743741121; 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank số 9704151527637897; 01 Chứng minh nhân dân số 063546394 đều mang tên Hoàng Văn B.

Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 30/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đối với số tiền 3.092.100 đồng (ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng) trong tài khoản số 100869508949 tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh tỉnh Lào Cai của Hoàng Văn B.

- Trả lại cho anh Bùi Hoàng P số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai.

- Trả lại cho anh Chu Đức P số tiền 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng), được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai và 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 4155244504025; 01 Chứng minh nhân dân số 063372608 đều mang tên Chu Đức P.

- Trả lại cho anh Lê Văn T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai và 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 9704151516055531; 01 Chứng minh nhân dân số 063123482 đều mang tên Lê Văn T.

- Trả lại cho anh La Văn Đ 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 9704151520858375; 01 Chứng minh nhân dân số 063520919 đều mang tên La Văn Đ.

- Trả lại cho anh Vùi Văn D 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 9704155220130571 mang tên Vùi Văn D.

- Trả lại cho anh Trần Văn C 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank số 4026490000132402 mang tên Trần Văn C.

Tuyên tiếp tục tạm giữ của Trịnh Quí N số tiền 56.565.000 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) được gửi vào tài khoản tạm gửi của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai số 394909051207 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Quí N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.379.743 đồng (chín triệu, ba trăm bẩy mươi chín nghìn, bẩy trăm bốn mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 9.579.743 đồng (chín triệu, năm trăm bẩy mươi chín nghìn, bẩy trăm bốn mươi ba đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Hoàng Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Phòng CSHS Công an tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan THA HS CA tỉnh Lào Cai;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (03);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng

- Phòng TC-KH huyện Bảo Thắng;
- Người có QLNVLQ (28);
- UBND P. Pom Hán, TP Lào Cai;
- UBND xã Xuân Giao, huyện BT;
- Thi hành án hình sự (03);
- Lưu HS,TA,VP.